TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2018
V/v Ly hôn giữa anh K và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Bun Ly
2. Ông Hà Văn Sơ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2016/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX- ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn K, sinh năm 1979, địa chỉ: Bản NN, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản CM, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn K, địa chỉ: Bản NN, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hà Văn K trình bày:

Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau từ năm 1998 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/1998, khi kết hôn anh và chị T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do chị T thường ghen tuông không có căn cứ, dẫn đến vợ chồng bất hòa. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Hà Văn T và Hà Thị D cùng sinh ngày 18/10/2000. Nguyện vọng của anh là được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và M cho đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Anh chị có những tài sản chung sau: 01 ngôi nhà ba gian hai trái, lợp ngói dựng năm 2004 làm trên đất của bố mẹ đẻ anh cho mượn; 01 nhà bếp + 01 nhà tắm làm năm 2013; 01 chuồng trâu + 03 chuồng lợn; 01 máy xát cà phê; 01 máy cày tay; 01 chiếc xe công nông; 01 bộ âm ly đầu đĩa; 01 tủ tường; 01 bộ bàn ghế; 02 cái giường (01 cái hỏng); 01 máy bơm nước; 01 chiếc xe máy Yamaha BKS 26K1 -07524; 01 chiếc xe máy SYM BKS 26K9 -4996; 01 trâm tóc +01 đôi hoa tai vàng ta 02 chỉ; 01 bộ cột nhà gỗ; thép B40 rào vườn và một số đồ dùng khác, 01 bếp ga, 01 cân đồng hồ; chăn đệm, nồi cơm điện. Ngoài ra anh chị còn có số tiền bán cà phê cho bà Cao Thị C là 67.000.000 đồng chưa đòi được. Anh yêu cầu xác định số tiền này là tài sản chung và chia đôi cho anh chị. Anh chị còn có 02 mảnh đất nương chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã tự thỏa thuận phân chia nhau xong, từ khi sống ly thân, anh chị mỗi người canh tác một mảnh không có tranh chấp gì nên anh không đề nghị phân chia tài sản này.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa anh K giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị T. Về con chung: Anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn T, chị T nuôi dưỡng cháu Hà Thị D, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung anh đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 28/11/2016 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị đồng ý với phần trình bày của anh K về quá trình chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo chị là bắt đầu từ năm 2014 khi anh K có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh chị sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh K có đơn xin ly hôn với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng đã không hàn gắn được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị xác nhận anh chị có 02 con chung là Hà Thị D và Hà Văn T. Cháu D có nguyện vọng được sống cùng chị nên chị có trách nhiệm nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được sống cùng anh K nên anh K có trách nhiệm nuôi dưỡng. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Chị nhất trí với phần kê khai tài sản chung của anh K, ngoài ra theo chị anh chị còn có 7.118,7 m2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản NN, xã CM là tài sản chung vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị T có mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng nếu anh K kiên quyết ly hôn với chị thì chị cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị D, anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung: Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở và cây cối, chuồng trại trên đất chị đề nghị chia thành ba phần cho chị, anh K và cháu T. Nếu anh K không chia cho chị đất, chị đề nghị tính thành tiền mặt trả cho chị. Còn các tài sản khác chị đề nghị chia đôi cho chị và anh K. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn K trình bày:

Năm 1998 khi anh K kết hôn với chị T, ông có cho hai vợ chồng mượn một phần đất của ông để làm nhà ở và trồng trọt, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông. Nếu anh K và chị T ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét nguồn gốc đất là của ông, nếu anh K nuôi cháu T thì ông sẽ để cho hai bố con tiếp tục ở, không lấy lại. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên quan điểm: Ông sẽ để lại phần đất của ông cho anh K và cháu T tiếp tục ở khi anh K với chị T ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của các đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa vợ chồng anh K, chị T là do chị T nghi ngờ anh K có người phụ nữa khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, mâu thuẫn với nhau. Đến cuối năm 2015 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Qua hòa giải nhiều lần ở cơ sở anh chị xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho hai anh chị.

Về con chung: Anh K, chị T có 02 con chung là Hà Thị D và Hà Văn T cùng sinh ngày 18/10/2010. Các cháu đã lớn nên cần xem xét nguyện vọng của các cháu, đồng thời xét điều kiện cụ thể của mỗi bên để giao cho con cho người có đủ điều kiện nuôi.

Về tài sản chung: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2017 và lời trình bày của các đương sự, anh K, chị T có những tài sản chung sau:

- Về tài sản: 01 ngôi nhà ba gian hai trái, lợp ngói dựng năm 2004 làm trên đất của bố mẹ đẻ anh K cho mượn có diện tích 54 m^2 có trị giá 12.000.000 đồng; 01 nhà bếp + 01 nhà tắm làm năm 2013 diện tích khoảng 60 m^2 trị giá 12.000.000 đồng; 01 chuồng trâu + 03 chuồng lợn trị giá 10.000.000 đồng; 01 máy xát cà phê trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy cày tay trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ âm ly đầu đĩa trị giá 4.600.000 đồng; 01 tủ tường; 01 bộ bàn ghế; 02 cái giường (01 cái hỏng) trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy bơm nước trị giá 800.000 đồng; 01 chiếc xe máy Yamaha BKS 26K1 -07524 trị giá 15.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy SYM BKS 26K9 -4996 trị giá 5.000.000 đồng; 01 trâm tóc +01 đôi hoa tai vàng ta 02 chỉ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ cột nhà gỗ trị giá 15.000.000 đồng; thép B40 rào vườn trị giá 3.000.000 đồng và một số đồ dùng khác 01 bếp ga, 01 cân đồng hồ; chăn đệm, nồi cơm điện có giá trị khoảng 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 110.000.000 đồng.

Ngoài ra anh chị còn có số tiền bán cà phê cho bà Cao Thị C là 67.000.000 đồng chưa đòi được. Anh chị yêu cầu xác định số tiền này là tài sản chung và chia đôi cho anh chị.

Ngoài ra vợ chồng có có: 7.118,7 m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 100 m^2 là đất thổ cư, 7.018,7 m^2 là đất trồng cây lâu năm tại bản NN, xã CM. Trên đất có 10 cây xoài thường trồng năm 2000 ; 10 cây mít trồng năm 2000 ; 10 cây nhãn thường trồng năm 2000; 02 cây lát trồng năm 2005 và 2500 cây cà phê trên 5 năm.

Tổng trị giá đất và cây trồng trên đất là 391.528.500.000 đồng

Về nợ chung: Anh K, chị T không có nợ chung vợ chồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn K. Về con chung: Giao cháu Hà Văn T, sinh ngày 18/10/2000 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hà Thị D, sinh ngày 18/10/2000 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án xem xét và phân chia tài sản chung cho các đương sự theo công sức đóng góp và nguồn gốc hình thành tài sản cho phù hợp, cụ thể đối với tài sản trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân chia đôi, đối với quyền sử dụng đất đề nghị phân chia theo nguyện vọng của bị đơn. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự để hòa giải nhưng do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Hà Văn K và chị Hà Thị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1998, anh chị đã được UBND xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/1998 (số 39), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nghi ngờ anh K có người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cãi cọ, xích mích với nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 đến nay. Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ, xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh K giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn, chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu anh K kiên quyết ly hôn thì chị cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, xử cho anh K được ly hôn với chị T.

[2.2] Về con chung:

Anh K, chị T có 02 con chung là các cháu Hà Văn T và Hà Thị D cùng sinh ngày 18/10/2000. Anh K và chị T đều có nguyện vọng mỗi người được nhận nuôi trực tiếp 01 con khi ly hôn, anh K nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung trên 7 tuổi, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận sự thỏa thuận về con chung của các đương sự. Giao cháu Hà Văn T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà Thị D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung:

Anh K và chị T thống nhất có những tài sản chung và trị giá như sau:

- 01 ngôi nhà ba gian hai trái, lợp ngói dựng năm 2004 làm trên đất của bố mẹ đẻ anh Kiết cho có diện tích 54 m2 trị giá 12.000.000 đồng; 01 nhà bếp + 01 nhà tắm làm năm 2013 diện tích khoảng 60 m2 trị giá 12.000.000 đồng; 01 chuồng trâu + 03 chuồng lợn trị giá 10.000.000 đồng; 01 máy xát cà phê trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy cày tay trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ âm ly đầu đĩa trị giá 4.600.000 đồng; 01 tủ tường; 01 bộ bàn ghế; 02 cái giường (01 cái hỏng) trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy bơm nước trị giá 800.000 đồng; 01 chiếc xe máy Yamaha BKS 26K1 -07524 trị giá 15.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy SYM BKS 26K9 - 4996 trị giá 5.000.000 đồng; 01 trâm tóc +01 đôi hoa tai vàng ta 02 chỉ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ cột nhà gỗ trị giá 15.000.000 đồng; thép B40 rào vườn trị giá 3.000.000 đồng và một số đồ dùng khác 01 bếp ga, 01 cân đồng hồ; chăn đệm, nồi cơm điện có giá trị khoảng 600.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 110.000.000 đồng.

- 7.118,7 m2 đất trong đó có 100 m2 là đất thổ cư, 7.018,7 m 2 là đất trồng cây lâu năm tại bản NN, xã CM. Ngày 30/6/2017 toàn bộ thửa đất này đã được UBND huyện MS quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1069/QĐ-UBND mang tên Hà Văn K.

Trên đất có các cây trồng sau: 10 cây xoài thường trồng năm 2000; 10 cây mít trồng năm 2000 ; 10 cây nhãn thường trồng năm 2000; 02 cây lát trồng năm 2005 và 2500 cây cà phê trên 5 năm.

Tổng trị giá đất và cây trồng trên đất là 391.528.500.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị toàn bộ khối tài sản chung này là 501.528.500 (năm trăm linh một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Tại phiên tòa, anh K không đồng ý chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cho chị T với lý do đất là do bố đẻ của anh cho mượn để ở. Chị T xác nhận không thể nhận quyền sử dụng đất để sống cạnh anh K được nên đề nghị chia quyền sử dụng đất thành ba phần cho chị, anh K và cháu T (nhưng do cháu T ở cùng anh K nên giao cho anh K hai phần). Chị sẽ nhận tiền mặt tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng mình được hưởng, còn các tài sản khác chị đề nghị chia đôi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với toàn bộ tài sản chung (không phải là quyền sử dụng đất) đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên cần chia đôi theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với quyền sử dụng đất 7.118,7 m2 là đất ở và đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ cây trồng có trên đất tại bản NN, xã CM , vị trí thửa đất nằm tại tờ bản đồ số 13, thửa đất số 67 theo Quyết định 1069/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản NN, xã CM, MS cho anh Hà Văn K. Trị giá đất và cây trồng trên đất là 391.528.500.000 đồng.

Xét thấy thửa đất có nguồn gốc do bố anh K là ông Hà Văn Kh cho một phần từ năm 1999 sau khi hai vợ chồng kết hôn, toàn bộ diện tích đất còn lại do hai vợ chồng mở rộng thêm. Do đó cần coi đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng anh K là người có công sức đóng góp nhiều hơn vào việc hình thành nên tài sản. Tại phiên tòa chị T đề nghị chia thành ba phần, chị sẽ nhận tiền bằng giá trị quyền sử dụng đất vì chị không thể sống gần anh K. Do anh K phải nuôi cháu T nên giao cho anh K hai phần. Xét thấy đề nghị của chị T là phù hợp với thực tế các bên khi ly hôn nên cần chấp nhận, cụ thể chia tài sản như sau:

Anh K được nhận các tài sản sau: 01 ngôi nhà ba gian hai trái, lợp ngói dựng năm 2004 làm trên đất của bố mẹ đẻ anh K cho mượn có diện tích 54 m2
có trị giá 12.000.000 đồng; 01 nhà bếp + 01 nhà tắm làm năm 2013 diện tích khoảng 60 m2 trị giá 12.000.000 đồng; 01 máy xát cà phê trị giá 3.000.000 đồng; 01 bộ âm ly đầu đĩa trị giá 4.600.000 đồng; 01 tủ tường; 01 bộ bàn ghế; 02 cái giường (01 cái hỏng) trị giá 3.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Yamaha BKS 26K1 -07524 trị giá 15.000.000 đồng; thép B40 rào vườn trị giá 3.000.000 đồng và một số đồ dùng khác 01 bếp ga, 01 cân đồng hồ; chăn đệm, nồi cơm điện có giá trị khoảng 600.000 đồng. Tổng trị giá là 53.200.000VNĐ.

Anh K được nhận toàn bộ 7.118,7 m2 đất theo quyết định số: 1069/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND huyện MS, trong đó có 100 m^2 là đất thổ cư, 7.018,7 m^2 là đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 10 cây xoài thường trồng năm 2000 ; 10 cây mít trồng năm 2000 ; 10 cây nhãn thường trồng năm 2000; 02 cây lát trồng năm 2005 và 2500 cây cà phê trên 5 năm tại bản NN, xã CM, vị trí thửa đất nằm tại tờ bản đồ số 13, thửa đất số 67 trị giá đất và cây trồng trên đất là 391.528.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản anh K được nhận là 444.728.500 đồng nhưng phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị T là 130.000.000 đồng.

Chị T được nhận các tài sản sau: 01 chiếc xe máy SYM BKS 26K9 -4996 trị giá 5.000.000 đồng; 01 trâm tóc +01 đôi hoa tai vàng ta 02 chỉ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ cột nhà gỗ trị giá 15.000.000 đồng; 01 máy cày tay trị giá 20.000.000 đồng; 01 máy bơm nước trị giá 800.000 đồng , 01 chuồng trâu + 03 chuồng lợn trị giá 10.000.000 đồng. Tổng trị giá là 56.800.000 đồng và nhận tiền chênh lệch tài sản chung anh K trả cho là 130.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung chị T được nhận là: 186.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh K, chị T đều nhất trí không đưa số tiền bán Cà phê cho bà Cao Thị C (bản M, xã CM) chưa đòi được là 67.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng vì hiện tại cả hai đều không biết bà C đang ở đâu. Các đương sự không có yêu cầu Tòa án điều tra bổ sung làm rõ vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu, đồng thời không xác định bà Cao Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với yêu cầu của ông Hà Văn Kh cho rằng nguồn gốc đất mà anh K, chị T đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, nay anh K chị T ly hôn ông chỉ để số đất này cho anh K và cháu T ở chứ không đồng ý chia cho chị T. Xét yêu cầu của ông Kh là không phù hợp bởi lẽ toàn bộ diện tích đất anh K, chị T đang sử dụng qua điều tra xác minh không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Kh và toàn bộ diện tích đất này đã đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thể hiện tại Quyết định 1069/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản NN, xã CM, MS cho anh Hà Văn K, ông Kh không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với tài sản là 02 mảnh nương các đương sự đang sử dụng để trồng trọt tại bản NN chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia xong và không đề nghị phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung vợ chồng: Anh K, chị T không có nợ chung vợ chồng.

[2.5] Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.736.000 đồng.

Anh K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

Chị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp cho Tòa án và tiền án phí dân sự có giá ngạch là 9.340.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hà Văn K và chị Hà Thị T.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Hà Văn T, sinh ngày 18/10/2000 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Giáo cháu Hà Thị D sinh ngày 18/10/2000 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Anh K, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh K, chị T được quyền thăm gặp con chung, không ai được cản trở anh K, chị T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung :

3.1. Anh K được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ 7.118,7 m^2 đất tại bản NN, xã CM, huyện MS, trong đó có 100 m^2 là đất thổ cư, 7.018,7 m^2 là đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ cây trồng có trên đất gồm: 10 cây xoài thường trồng năm 2000 ; 10 cây mít trồng năm 2000 ; 10 cây nhãn thường trồng năm 2000; 02 cây lát trồng năm 2005 và 2500 cây cà phê trên 5 năm vị trí thửa đất nằm tại tờ bản đồ số 13, thửa đất số 67 theo Quyết định 1069/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La (hiện anh Kiết đang quản lý và sử dụng) trị giá đất và cây trồng trên đất là 391.528.500.000 đồng.

Và các tài sản: 01 ngôi nhà ba gian hai trái, lợp ngói dựng năm 2004 làm trên đất của bố mẹ đẻ anh K cho mượn có diện tích 54 m^2 có trị giá 12.000.000 đồng; 01 nhà bếp + 01 nhà tắm làm năm 2013 diện tích khoảng 60 m^2 trị giá 12.000.000 đồng; 01 máy xát cà phê trị giá 3.000.000 đồng; 01 bộ âm ly đầu đĩa trị giá 4.600.000 đồng; 01 tủ tường; 01 bộ bàn ghế; 02 cái giường (01 cái hỏng) trị giá

3.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Yamaha BKS 26K1 - 075.24 trị giá 15.000.000 đồng; thép B40 rào vườn trị giá 3.000.000 đồng và một số đồ dùng khác 01 bếp ga, 01 cân đồng hồ; chăn đệm, nồi cơm điện có giá trị khoảng 600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung anh K được nhận là: 444.728.500 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn năm trăm) đồng chẵn.

3.2. Chị T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản: 01 chiếc xe máy SYM BKS 26K9 - 4996 trị giá 5.000.000 đồng; 01 trâm tóc +01 đôi hoa tai vàng ta 02 chỉ trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ cột nhà gỗ trị giá 15.000.000 đồng; 01 máy cày tay trị giá 20.000.000 đồng; 01 máy bơm nước trị giá 800.000 đồng; 01 chuồng trâu + 03 chuồng lợn trị giá 10.000.000 đồng và được nhận tiền chênh lệch tài sản chung anh K trả cho là 130.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung chị T được nhận là: 186.800.000 (một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng chẵn.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí:

5.1. Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.736.000 (mười lăm triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

5.2. Anh K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

5.3. Chị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp cho Tòa án và tiền án phí dân sự có giá ngạch là 9.340.000 (chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh